

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ BÀI TẬP VẬN DỤNG CHƯƠNG 3

PHÂN TÍCH CẤU TRÚC TÀI CHÍNH VÀ CÂN BẰNG TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP

A. Câu hỏi ôn tập

1. Tại sao phải phân tích cấu trúc tài chính của doanh nghiệp?
2. Trình bày các cách phân tích cấu trúc tài sản trong doanh nghiệp?
3. Trình bày các chỉ tiêu và ý nghĩa của các chỉ tiêu phân tích tính tự chủ về tài chính?
4. Trình bày các chỉ tiêu và ý nghĩa của các chỉ tiêu phân tích tính ổn định về tài chính?
5. Trình bày các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc tài sản trong doanh nghiệp?
6. Trình bày các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc nguồn vốn trong doanh nghiệp?
7. Trình bày chỉ tiêu và ý nghĩa của chỉ tiêu phân tích cân bằng tài chính dài hạn trong doanh nghiệp?
8. Trình bày chỉ tiêu và ý nghĩa của chỉ tiêu phân tích cân bằng tài chính ngắn hạn trong doanh nghiệp?
9. Trình bày các nhân tố ảnh hưởng đến cân bằng tài chính dài hạn và cân bằng tài chính ngắn hạn của doanh nghiệp?
10. Để đảm bảo tính ổn định về tài chính, doanh nghiệp cần phải động càng nhiều vốn chủ sở hữu càng tốt. Bạn có nhận định gì về quan điểm trên?
11. Mặc dù chi phí sử dụng vốn thấp khi doanh nghiệp có vốn hoạt động thuần âm nhưng doanh nghiệp không nên để tình trạng này xảy ra, vì sao?

B. Bài tập vận dụng

Bài 1: Cho biết hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu (đòn bẩy tài chính) của Doanh nghiệp A là 2,4.

Yêu cầu: Hãy xác định hệ số nợ của doanh nghiệp A.

Bài 2: Trích số liệu của Doanh nghiệp X vào ngày 31/12/N như sau:

Vốn chủ sở hữu: 750 tỷ đồng

Nợ ngắn hạn: 825 tỷ đồng

Nợ dài hạn: 530 tỷ đồng

Yêu cầu:

1. Xác định hệ số nợ của doanh nghiệp.

2. Sang năm N+1, doanh nghiệp cần 450 tỷ đồng để tài trợ cho một dự án mở rộng sản xuất. Để đảm bảo duy trì cân bằng tài chính, doanh nghiệp đang quan tâm đến các phương thức phối hợp giữa huy động vốn chủ sở hữu và vốn vay ngân hàng.

Hãy tìm phương án tốt nhất để kết hợp các nguồn tài trợ nhằm hạn chế đến mức thấp nhất đối với việc tăng vốn chủ sở hữu, biết hạn mức ngân hàng quy định đối với doanh nghiệp như sau:

Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu không quá 2.

Hệ số nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu không quá 1.

Bài 3: Trích số liệu từ Báo cáo tình hình tài chính của Doanh nghiệp Y như sau:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TÀI SẢN	Đầu năm	Cuối năm
A. TSNH	1.565	1.360
I. Tiền	55	50
II. Phải thu ngắn hạn	860	780
III. Hàng tồn kho	650	530
B. TSDH	1.890	2.000
I. TSCĐ	1.890	2.000
1. Nguyên giá	2.680	2.580
2. Giá trị hao mòn	(790)	(580)
Tổng tài sản	3.455	3.360
NGUỒN VỐN	Đầu năm	Cuối năm
A. Nợ phải trả	2.382	1.840
I. Nợ ngắn hạn	2.282	1.760
1. Vay ngắn hạn	1.790	1.600
2. Phải trả người bán ngắn hạn	440	120
3. Nợ ngắn hạn khác	52	40
II. Nợ dài hạn	100	80
B. VCSH	1.073	1.520
I. VCSH	1.073	1.520
Tổng nguồn vốn	3.455	3.360

Yêu cầu:

1. Phân tích cấu trúc tài sản của doanh nghiệp Y.

2. Phân tích cấu trúc nguồn vốn của doanh nghiệp Y.
3. Phân tích cân bằng tài chính của doanh nghiệp Y.

Bài 4: Cho số liệu của doanh nghiệp Z qua Báo cáo tình hình tài chính sau:

(Đơn vị tính: triệu đồng)

TÀI SẢN	31/12/N-2	31/12/N-1	31/12/N
A. Tài sản ngắn hạn	17.680	18.010	20.802
1. Tiền	2.534	1.620	3.212
2. Các khoản phải thu	6.710	7.646	8.608
3. Hàng tồn kho	8.072	8.246	8.352
4. Tài sản ngắn hạn khác	364	498	630
B. Tài sản dài hạn	14.520	13.830	11.788
1. Tài sản cố định	12.020	13.830	11.788
- Nguyên giá	22.540	26.450	26.450
- Khấu hao lũy kế	(10.520)	(12.620)	(14.662)
2. Đầu tư tài chính dài hạn	2.500	0	0
Tổng tài sản	32.200	31.840	32.590
NGUỒN VỐN	31/12/N-2	31/12/N-1	31/12/N
A. Nợ phải trả	14.710	12.430	13.950
I. Nợ phải trả ngắn hạn	10.710	8.930	10.950
1. Vay ngắn hạn	7.560	5.320	7.520
2. Nợ dài hạn đến hạn	0	500	500
3. Các khoản phải trả khác	3.150	3.110	2.930
II. Nợ dài hạn (Vay dài hạn)	4.000	3.500	3.000
B. Vốn chủ sở hữu	17.490	19.410	18.640
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16.500	17.500	17.500
2. Lợi nhuận chưa phân phối	710	1.550	894
3. Các quỹ doanh nghiệp	280	360	246
Tổng nguồn vốn	32.200	31.840	32.590

Yêu cầu:

1. Phân tích cấu trúc tài chính của doanh nghiệp Z.
2. Phân tích cân bằng tài chính của doanh nghiệp Z.